TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 09/2019/QĐST - HNGĐ	*TP. Thanh Hóa, ngày 04 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 18/2018/ TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2018 về việc: Yêu cầu công nhân thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn; gồm người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị Phạm Thị T - Sinh năm 1982

Anh Trần Minh S - Sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: khu Tái định cư - T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 27 tháng 12 năm 2018, các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ việc dân sự, nội dung cụ thể như sau:

[1] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Trần Minh S kết hôn năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng không có sự thông cảm lẫn nhau, thường xuyên xảy ra va chạm xúc phạm và đánh đập nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay anh chị đều xét thấy tình cảm không còn mục đích hôn nhân không đạt yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với qui định của pháp luật nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Trần Minh S.

[2] Về con chung: Quá trình vợ chồng chung sống anh chị có 03 con chung

cháu Trần Tuấn A sinh ngày 08/10/2003; cháu Trần Yến T2 sinh ngày 07/8/2008 và cháu Trần Yến N sinh ngày 07/8/2008. Ly hôn anh, chị thống nhất việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con như sau:

Chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Yến T2 và cháu Trần Yến N, anh Trần Minh S trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Tuấn A. Anh S tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cháu N mỗi tháng 1.000.000đ, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2019 cho đến khi cháu N thành niên. Nên chấp nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con của anh chị.

[3] Về tài sản, công nợ chung: Anh, chị thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh, chị thỏa thuận chị T chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1**.** Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Trần Minh S.

- *Về con chung:* Chị T và anh S có 03 con chung cháu Trần Tuấn A sinh ngày 08/10/2003; cháu Trần Yến T2 và cháu Trần Yến N sinh ngày 07/8/2008. Giao hai cháu Trần Yến T2 và cháu Trần Yến N cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Trần Tuấn A cho anh Trần Minh S trực tiếp nuôi dưỡng. Anh S tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cháu N mỗi tháng 1.000.000đ, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2019 cho đến khi cháu N thành niên.

Chị T và anh S được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản, công nợ chung:* Chị T và anh S không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị T chịu 300.000đ lệ phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0006665 ngày 27/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa (chị T đã nộp đủ lệ phí).

3**.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật Ny sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. *Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực*

hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- UBND Q.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Lan Anh